



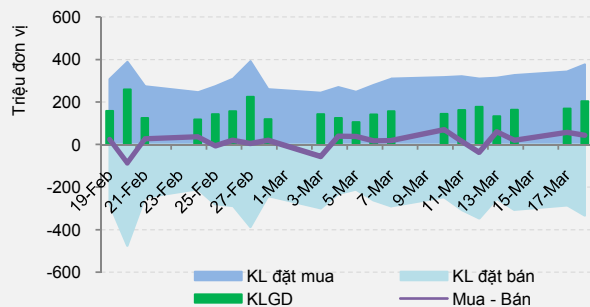
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 18/3/2014

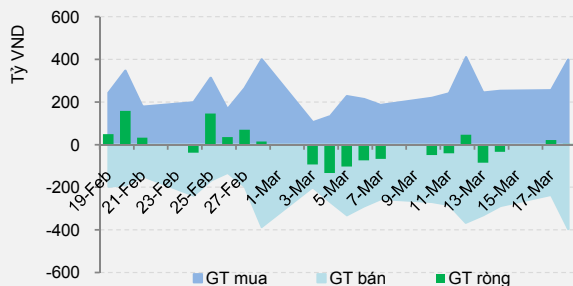
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	599.9	87.6
% Thay đổi	↓ -0.1%	↑ 1.5%
KLGD (CP)	204,001,807	133,095,237
GTGD (tỷ đồng)	3,731.71	1,449.20
Tổng cung (CP)	332,025,980	168,027,100
Tổng cầu (CP)	376,225,730	179,941,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	13,434,600	4,414,733
KL mua (CP)	8,890,180	1,053,800
GTmua (tỷ đồng)	398.98	16.98
GT bán (tỷ đồng)	395.18	64.71
GT ròng (tỷ đồng)	3.79	(47.73)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Nghành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 4.40%	10.0	2.4	4.3%
Công nghiệp	↑ 1.26%	363.7	1.4	20.2%
Dầu khí	↑ 2.05%	8.9	1.9	3.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.66%	15.3	2.2	1.6%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.60%	11.4	3.4	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.41%	14.2	5.3	12.3%
Ngân hàng	↑ 0.02%	14.4	1.3	5.5%
Nguyên vật liệu	↑ 0.29%	11.9	2.2	10.7%
Tài chính	↓ -0.07%	16.8	2.5	37.6%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.43%	11.7	4.2	3.9%
VN - Index	↓ -0.08%	14.8	3.2	72.0%
HNX - Index	↑ 1.49%	22.0	1.7	28.0%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	559,520	0.3%	2,631,060	1.6%
GTGD (tỷ VND)	24,258	0.7%	45,476	1.4%

THẬN TRỌNG TRƯỚC QUYẾT ĐỊNH CỦA FED VÀ ĐỘNG THÁI TÁI CƠ CẤU DANH MỤC ETF - VN-INDEX TÍCH LŨY QUANH VÙNG 600 ĐIỂM

Nhận định: Chỉ số VN-Index dao động giằng co tại ngưỡng cản 600 điểm, sau 9 phiên tăng điểm liên tiếp. Dòng tiền thận trọng với nhóm cổ phiếu Bluechips và một số cổ phiếu thuộc danh mục quỹ ETF, chờ đợi động thái tái cơ cấu danh mục của quỹ ETF và tín hiệu từ kỳ họp của FED trong ngày 18-19/03. Lực cầu vẫn tập trung tại nhóm cổ phiếu chứng khoán, cổ phiếu thị giá thấp mang tính đầu cơ, dù áp lực cung giá cao đang tăng khá mạnh.

Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đang kiểm định lại ngưỡng cản tâm lý 600 điểm. Thị trường dự báo tiếp tục dao động tích lũy quanh ngưỡng cản kỹ thuật 600 điểm, với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật khoảng 595 điểm. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường, khi 1/ dòng tiền tham gia thị trường tích cực; 2/ động thái giao dịch của quỹ ETF dự báo không tác động nhiều đến thị trường và chỉ mang tính ngắn hạn. Theo PTKT trên đồ thị tuần của VN-Index, khi VN-Index bứt phá qua ngưỡng cản 600 điểm, mục tiêu hướng tới của VN-Index là vùng +/-630 điểm.

Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với thanh khoản tích cực. Dòng tiền tập trung tại nhóm cổ phiếu chứng khoán, dầu khí, xây dựng. Lượng cung giá cao tăng khá mạnh trong nửa cuối phiên giao dịch chiều, trước động thái bán chốt lời tại sàn HOSE. Tuy nhiên lực cầu tham gia thị trường vẫn tiếp tục tích cực, độ rộng thị trường duy trì ở mức cao. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho tín hiệu tích cực về xu hướng tăng của HNX-Index. Theo PTKT, khi HNX-Index bứt phá qua ngưỡng cản 85 điểm, mục tiêu tiếp theo của HNX-Index là vùng +/-100 điểm.

Nhà đầu tư tiếp tục xem xét TĂNG TỶ TRỌNG cổ phiếu trong thời điểm thị trường yếu, ưu tiên cổ phiếu cơ bản tốt, có thông tin tích cực mùa ĐHCĐ.

- Chỉ số VN-Index giảm 0.51 điểm (0.08%), xuống 599.85 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 603.21 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.29 điểm (1.50%), lên 87.6 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 88.08 điểm.

- Sau quyết định giảm các mức lãi suất chủ chốt của NHNN, các ngân hàng đã có động thái giảm lãi suất huy động cả kỳ hạn ngắn và dài hạn. Lãi suất đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng tại các ngân hàng phổ biến ở 1%, bằng với mức tối đa NHNN cho phép. Mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng cũng được các ngân hàng niêm yết sát mức trần cho phép, phổ biến khoảng 5.5%-6%. Lãi suất huy động kỳ hạn dài trên 6 tháng cũng được điều chỉnh giảm, phổ biến chỉ khoảng 7%, so với mức phổ biến khoảng 8% áp dụng trước đó.

- Lãi suất huy động giảm là thông tin tích cực đối với TTCK, làm tăng tính hấp dẫn của kênh đầu tư chứng khoán. Sự dịch chuyển dòng tiền tiết kiệm qua kênh chứng khoán nếu có dự báo không ảnh hưởng đến thanh khoản toàn hệ thống, khi lượng tiền tại Ngân hàng còn rất dồi dào, trong khi tăng trưởng tín dụng chưa thể cải thiện nhanh chóng do sức cầu yếu. Nhà đầu tư kỳ vọng hệ thống Ngân hàng sẽ điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, đặc biệt với hợp đồng tín dụng cũ. Hoạt động tín dụng kỳ vọng sẽ bước đầu cải thiện từ Quý 2, và tích cực hơn trong nửa cuối năm, thời gian cao điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Trung tính	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Trung tính	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index giảm 0.51 điểm (0.08%), xuống 599.85 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 603.21 điểm.

- KLGD tăng 19% so với phiên giao dịch trước, lên 193 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm nhẹ xuống mức 72 điểm, vẫn ở ngưỡng quá mua. MACD 9 ngày nói nhẹ khoảng cách so với đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng giá.

Nhận định: Chỉ số VN-Index dao động giằng co tại ngưỡng cản 600 điểm, sau 9 phiên tăng điểm liên tiếp. Dòng tiền thận trọng với nhóm cổ phiếu Bluechips và một số cổ phiếu thuộc danh mục quỹ ETF, chờ đợi điều thái tại cơ cấu danh mục của quỹ ETF và tín hiệu từ kỳ họp của FED trong ngày 18-19/03. Lực cầu vẫn tập trung tại nhóm cổ phiếu chứng khoán, cổ phiếu thị giá thấp mang tính đầu cơ, dù áp lực cung giá cao đang tăng khá mạnh.

Theo quan điểm kỹ thuật, chỉ số VN-Index đang kiểm định lại ngưỡng cân tâm lý 600 điểm. Thị trường dự báo tiếp tục dao động tích lũy quanh ngưỡng cân kỹ thuật 600 điểm, với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật khoảng 595 điểm.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường, khi 1/ dòng tiền tham gia thị trường tích cực; 2/ động thái giao dịch của quỹ ETF dự báo không tác động nhiều đến thị trường và chỉ mang tính ngắn hạn. Theo PTKT trên đồ thị tuần của VN-Index, khi VN-Index bứt phá qua ngưỡng cản 600 điểm, mục tiêu hướng tới của VN-Index là vùng +/-630 điểm.

Nhà đầu tư tiếp tục xem xét **TĂNG TỶ TRỌNG** cổ phiếu trong thời điểm thị trường yếu, ưu tiên cổ phiếu cơ bản tốt, có thông tin tích cực mùa ĐHCĐ.

tốt, có thông

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.29 điểm (1.50%), lên 87.6 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 88.08 điểm.

- KLGD tăng 6% so với phiên trước, lên 131 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tiếp tục tăng lên mức 79 điểm, tâm lý thị trường tích cực. MACD 9 ngày mở rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng giá.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh với thanh khoản tích cực. Dòng tiền tập trung tại nhóm cổ phiếu chứng khoán, dầu khí, xây dựng. Lượng cung giá cao tăng khá mạnh trong nửa cuối phiên giao dịch chiều, trước động thái bán chốt lời tại sàn HOSE. Tuy nhiên lực cầu tham gia thị trường vẫn tiếp tục tích cực, độ rộng thị trường duy trì ở mức cao.

Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho tín hiệu tích cực về động lực thị trường. Theo PTKT, khi HNX-Index bứt phá qua ngưỡng cản 85 điểm, mục tiêu tiếp theo của HNX-Index là vùng +/-100 điểm.

Động thái giao dịch của quỹ ETF dự báo không tác động nhiều đến thị trường, khi giá trị mua/bán khá cân đối, và lực cầu chờ mua cổ phiếu quỹ ETF bán ra tại mức giá hấp dẫn không nhỏ. Nhà đầu tư tiếp tục xem xét TÀNG TỶ TRỌNG cổ phiếu trong thời điểm thị trường yếu, ưu tiên cổ phiếu cơ bản tốt, có thông tin tích cực mua ĐHCBS.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

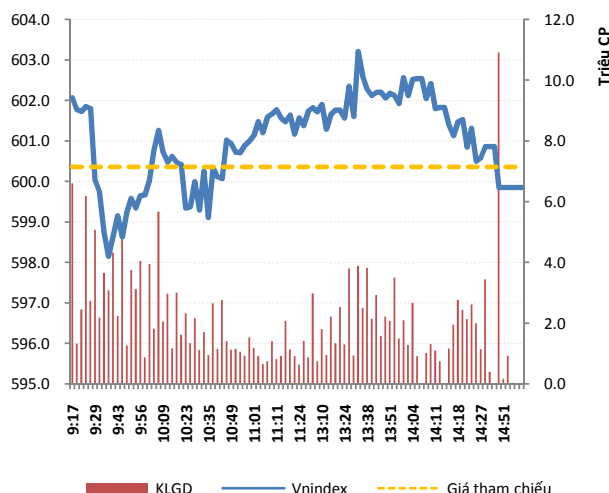
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 14/03/2014

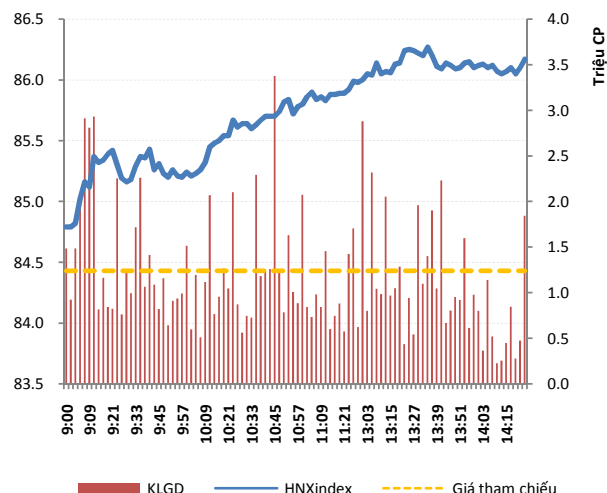


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

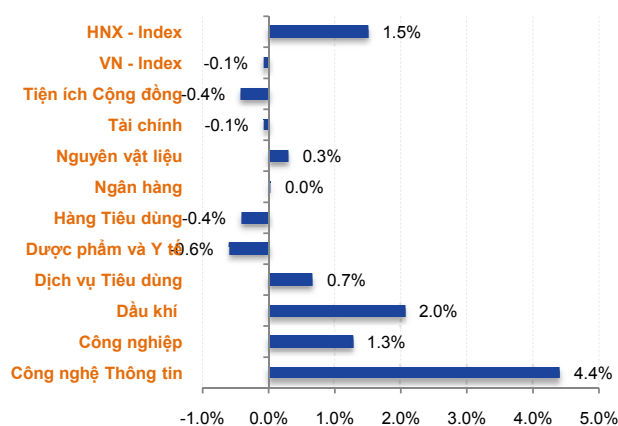
KLGD và VN-Index trong phiên



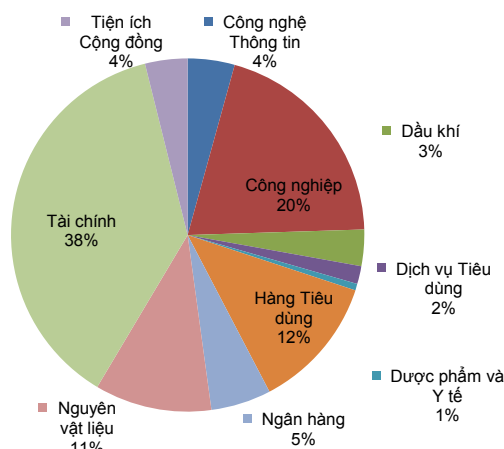
KLGD và HNX-Index trong phiên



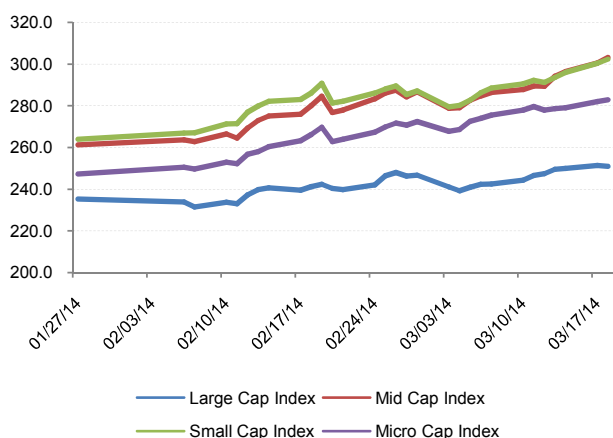
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



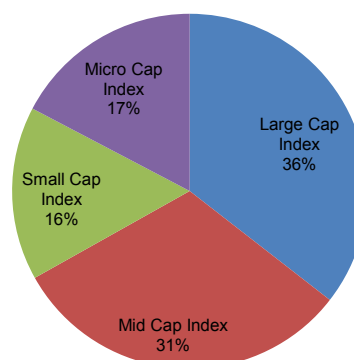
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HAG	1,436,020	KBC	2,222,520
2	MSN	1,159,000	OGC	1,552,400
3	DXG	590,300	ITA	1,303,620
4	SBT	221,390	HPG	685,050
5	PVT	200,000	VIC	430,940

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KLS	128,100	SHB	2,543,800
2	PVC	110,100	PVS	400,300
3	CSC	62,000	VND	332,200
4	TNG	44,000	PGS	209,600
5	SDP	36,300	VCG	102,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
ITA	9.0	8.9	↓	-1.11%	15,453,300
OGC	12.6	13.1	↑	3.97%	10,432,030
HQC	9.0	9.0	→	0.00%	9,454,570
FLC	13.8	13.5	↓	-2.17%	7,423,520
PVT	16.0	17.1	↑	6.88%	6,972,710

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
PVX	6.4	6.8	↑	6.25%	18,754,654
KLS	13.7	13.9	↑	1.46%	15,786,860
SHB	10.1	10.1	→	0.00%	10,015,006
SCR	10.3	10.0	↓	-2.91%	6,481,980
VCG	16.8	17.1	↑	1.79%	5,390,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLP	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
GTT	8.6	9.2	0.6	↑ 6.98%
SBT	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%
DCT	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
FDG	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJ1	19.0	22.5	3.5	↑ 18.42%
DST	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
HHL	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
VC7	7.0	7.7	0.7	↑ 10.00%
INC	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	17.7	16.5	-1.2	↓ -6.78%
LGC	17.0	15.9	-1.1	↓ -6.47%
GIL	29.8	28.1	-1.7	↓ -5.70%
PIT	7.4	7.0	-0.4	↓ -5.41%
NSC	83.5	79.5	-4.0	↓ -4.79%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDG	24.0	21.6	-2.4	↓ -10.00%
SFN	19.0	17.1	-1.9	↓ -10.00%
FDT	31.7	28.6	-3.1	↓ -9.78%
HDO	6.3	5.7	-0.6	↓ -9.52%
PSD	49.5	45.0	-4.5	↓ -9.09%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	15,453,300	0.7%	73	121.7	0.8
OGC	10,432,030	3.2%	352	37.2	1.2
HQC	9,454,570	3.5%	376	23.9	0.8
FLC	7,423,520	7.9%	663	20.4	1.7
PVT	6,972,710	8.7%	1,012	16.9	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	18,754,654	-115.4%	(5,275)	-	3.4
KLS	15,786,860	5.5%	716	19.4	1.0
SHB	10,015,006	7.6%	854	11.8	0.9
SCR	6,481,980	0.4%	53	188.6	0.7
VCG	5,390,400	10.0%	1,233	13.9	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CLP	↑ 7.0%	-93.4%	(9,849)	(0.5)	0.8
GTT	↑ 7.0%	0.2%	25	370.4	0.9
SBT	↑ 6.9%	13.5%	1,746	8.0	1.1
DCT	↑ 6.9%	-46.3%	(4,765)	(0.7)	0.4
FDG	↑ 6.9%	-138.2%	(8,793)	(0.4)	1.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJ1	↑ 18.4%	8.3%	2,110	-	1.0
DST	↑ 10.0%	1.7%	182	30.2	0.5
HHL	↑ 10.0%	-67.9%	(1,016)	(2.2)	2.2
VC7	↑ 10.0%	3.9%	551	14.0	0.5
INC	↑ 10.0%	4.1%	503	13.1	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	1,436,020	8.0%	1,372	20.5	1.6
MSN	1,159,000	3.0%	611	176.7	5.3
DXG	590,300	13.9%	1,518	11.0	2.0
SBT	221,390	13.5%	1,746	8.0	1.1
PVT	200,000	8.7%	1,012	16.9	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	128,100	5.5%	716	19.4	1.0
PVC	110,100	9.3%	1,571	11.8	1.1
CSC	62,000	2.6%	483	48.2	1.2
TNG	44,000	11.7%	1,875	8.3	0.9
SDP	36,300	3.0%	410	20.0	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	160,128	40.8%	6,535	12.9	4.8
VNM	122,520	39.6%	7,839	18.8	7.0
MSN	79,370	3.0%	611	176.7	5.3
VCB	70,681	10.3%	1,878	16.2	1.6
VIC	70,429	47.7%	7,379	10.5	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,758	6.6%	886	19.3	1.3
PVS	12,910	21.0%	3,568	8.1	1.6
SHB	8,949	7.6%	854	11.8	0.9
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
VCG	7,553	10.0%	1,233	13.9	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.09	0.6%	62	72.4	0.5
NKG	2.41	18.2%	1,858	8.0	1.3
CMT	2.33	7.0%	1,076	10.0	0.7
PXM	2.29	491.0%	(10,149)	-	(0.3)
HT1	2.27	0.1%	13	866.8	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HPC	3.72	5.5%	385	17.7	0.9
VDS	3.61	0.7%	44	136.5	0.9
GGG	3.58	256.0%	(6,685)	-	(0.5)
DNC	2.98	10.7%	1,272	10.7	1.1
PVL	2.86	-6.2%	(628)	-	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)